

hiện điều chỉnh kinh tế theo khuyến cáo IMF.

Sau khi được "Nhóm bạn VN" mà nòng cốt là Pháp giúp trả xong nợ quá hạn, ngày 6.10.93 IMF đã quyết định cho VN vay trở lại, đến nay IMF đã loan-báo chấp thuận cho VN vay khoảng 230 triệu USD (1 phần sẽ được dùng trả số nợ bắc cầu và 13 triệu USD nợ của ADB); tiếp theo IMF là ADB đã chính thức thông báo cho VN vay 262 triệu USD, rồi đến WB cũng đã quyết định cho ta vay 228,5 triệu USD. Các khoản vay của 3 tổ chức tài chánh quốc tế nêu trên nhằm mục đích chính là nâng cấp cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, bến cảng, hệ thống cấp nước, hệ thống giáo dục bậc tiểu học; về thời hạn vay có thể kéo dài đến 40 năm với chi phí điều hành 1%/năm (không tính lãi).

Mặt khác từ đầu năm 1991 các chuyên gia IMF đã đến VN giúp ta soạn thảo các văn bản về chính sách để làm cơ sở cho vay SAF và ESAF. Nếu được chấp thuận, khả năng sử dụng 2 loại cho vay này có thể đến vài trăm triệu USD hàng năm (theo cổ phần đóng góp) và lẽ tất nhiên ta cần thiết phải tranh thủ 2 loại vay SAF và ESAF vì thời hạn tương đối dài, lãi suất thấp.

Về phía ta, cũng cần lưu ý, với số lượng USD to lớn, cả tỷ USD mỗi năm đổ vào VN, liệu nền kinh tế có tiêu hóa tốt không? Một lưu ý nữa là muốn sử dụng SAF và ESAF ta phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế (tiêu chuẩn IMF) điều đó phải nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, không làm cản trở yêu cầu ổn định chính trị, xã hội.

Cuối cùng, phải sử dụng vốn vay có hiệu quả, phải xử lý tốt các nguồn tài trợ để cho các món nợ phải đi vay không lãng phí ♣

Tham khảo

- IMF Survey October 1993
- Tài liệu tham khảo đặc biệt tháng 10&11.93, TTXVN
- Báo Nhân dân, 10.7, 18.12.93

VIỆT NAM TỪ SAU NHỮNG CẢI CÁCH KINH TẾ

ĐẾN NHỮNG HƯỚNG ĐI THIẾT THỰC



TRỊNH KIM ANH

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại TP. HCM

NHỮNG CẢI CÁCH KINH TẾ CHÍNH

Từ đầu năm 1980, VN tiến hành hàng loạt các cải cách kinh tế. Có thể chia làm 3 giai đoạn chính:

Giai đoạn 1 từ 1980-1985; giai đoạn 2 bắt đầu từ Nghị quyết 6 của BCH TW Đảng vào tháng 9.1986 và giai đoạn cuối cùng từ 1988 cho đến nay, bắt đầu bằng các việc đánh giá tài chính và củng cố hệ thống tiền tệ qua ngân hàng Nhà nước.

Cải cách kinh tế 1980-1985

Hệ thống thu hẹp quản lý đưa vào ngành nông nghiệp đầu tiên 1979. Tức là chế độ giao khoán đất cho từng nhà nông. Tuy nhiên cơ chế hợp tác xã vẫn còn nhiều gò bó và lệch lạc và không thích ứng từng địa phương, các đầu vào cũng do nhà nước cung cấp, theo từng đơn vị diện tích và năng suất đã giao khoán cho từng người. Từ 1980-1985, do có thêm những khuyến khích nỗ lực cá nhân và kinh tế phụ gia đình, sản xuất nông nghiệp tăng được 5% đến 10%. Tuy vậy vẫn còn nhiều "so le" vì còn phụ thuộc nhiều tính chất thời tiết, địa dư, sự phân bố đầu vào từng địa phương.

Lãi suất thương mại lúc này là 50% một năm; lạm phát vào khoảng 300% làm cho lãi suất càng ngày càng là con số âm, tiền mặt đi ra khỏi ngân hàng. Sự thiếu thốn nguồn tiền mặt là vấn đề khó khăn đối với các doanh nghiệp. Kết quả thu nhập nông dân giảm xuống, sản xuất nông nghiệp trở thành

viễn cảnh u ám đối với người dân. Mức sản xuất xuống đến 1,3% vào 1987 từ 5,2% vào 1985. Khủng hoảng hàng lương thực xuất hiện.

Những cải cách ngân hàng 1986-1987

Giai đoạn này, ngân hàng nhà nước đóng vai trò bị động trong việc phát triển kinh tế, chỉ là người thầu ngân cho Bộ tài chánh không hơn không kém. Cũng như các nước XHCN khác, Ngân hàng nhà nước chịu sự lãnh đạo và chỉ phối của chính phủ. Việc kiểm soát tiền tệ và tín dụng do HĐBT quyết định-quyết định kế hoạch tín dụng và tiền mặt hàng năm trong toàn bộ nền kinh tế, từ việc phân bổ nguồn vốn cho vay và các khoản tín dụng đầu tư. Đến giữa năm 1987, Ngân hàng nhà nước gồm 41 chi nhánh ở 37 tỉnh và 4 thành phố chính. Đến năm 1987 mới có những cải cách về ngân hàng. Chức năng giữa Ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại được phân biệt. Ngân hàng nhà nước mới được giao cho nhiệm vụ điều tiết nguồn tiền tệ và tín dụng lưu thông, và là người bảo vệ quốc tệ. Các quy định phù hợp được đưa vào áp dụng tại các ngân hàng thương mại. Có 4 ngân hàng thương mại (tức ngân hàng chuyên biệt) thuộc Ngân hàng nhà nước. Ngân hàng ngoại thương quản lý các dịch vụ và hoạt động thương mại trong khối kinh tế đối ngoại. Ngân hàng xây dựng và đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng và phân bổ ngân sách đến từng dự án. Hai ngân hàng mới là Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Công thương, cũng đảm nhiệm chức năng ngân hàng trong nền thương mại. Tuy nhiên hiện nay, nguồn vốn cấp cho 4 ngân hàng do các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp quốc doanh thực hiện, và việc quản lý thì do các nhà quản lý do chính phủ bổ nhiệm. Cùng kỳ này,

xuất hiện thêm hơn 100 HTXTD, hoạt động không có dự trữ và rủi ro trên từng cộng đồng khu vực.

Từ những nguyên nhân kể trên, VN đã cần thiết phải thay đổi cơ cấu ngân hàng. Vốn cấp được chuyển đổi thành việc vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo đúng lãi suất của ngân hàng thương mại.

Những cải cách 1986-1988

Việc tăng giá ở đầu kỳ này là do sự điều chỉnh giá bất lợi và những đo lường không mấy chín chắn qua ngân hàng trong giai đoạn 1986-1987. BCH TW Đảng CSVN và kỳ họp tháng 12.1988 của Quốc hội nước CHXHCNVN đã quyết định việc điều chỉnh hệ thống kinh tế vĩ mô về ngân hàng, quản lý, thuế và ngân sách, thương mại và hợp tác quốc tế. Những thay đổi đáng kể là:

- Hệ thống giao khoán trong nông nghiệp được điều chỉnh lại bằng việc cho phép nông dân mua các yếu tố sản xuất với giá thỏa thuận theo thị trường. Việc thanh toán các khoản đầu vào này trở nên "thoáng" hơn.

- Sự tham gia vào nền kinh tế của các doanh nghiệp tư nhân được chính thức hóa. Là pháp nhân, họ không còn bị phân biệt trong chính sách tiền vay và thuế vụ. Hơn nữa, họ còn được bảo vệ khỏi những cạnh tranh không lành mạnh trong quốc nội.

- Việc tư nhân hóa các doanh nghiệp được khuyến khích hơn nhờ vào sự tự do mua yếu tố sản xuất, chọn lựa công nghệ kỹ thuật và điều tiết giá cả theo thị trường.

- Tỷ giá hối đoái cho phép thả nổi theo hoạt tính thị trường - nhập khẩu vàng lúc này được miễn thuế.

- Lãi suất được định ứng theo tình hình thị trường, mức lãi suất hiện hành tối thiểu phải hơn 10% mức lạm phát. Thẻ tín dụng ba tháng thì 4% lãi mỗi tháng. Tỷ lệ lạm phát phải dưới mức 4%.

- Các ngân hàng chuyên biệt (ngành) bị bắt buộc phải giới hạn mức tiền cho vay vốn hoạt động đối với các doanh nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH ỔN ĐỊNH NỀN KINH TẾ 1988-1991

Những đo lường và điều chỉnh tiền tệ và ngân sách dần dần ảnh hưởng tốt cho nhịp độ giao thông của giá cả. Hối suất và giá vàng vẫn thay đổi ít nhiều trong giai đoạn này.

Tuy vậy, đến giữa năm 1988, khi Chính phủ ra chương trình ổn định thì lạm phát đã giảm xuống và đi đến ổn định theo nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI. 1986, chương trình ổn định kinh tế phải do Chính phủ xúc tiến càng nhanh càng tốt để chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường. Bởi vậy, cuộc chiến đấu với lạm phát là phải thực hiện thành công bằng được. Cuộc hồi sinh kinh tế, về góc độ kinh tế học mà nói

kể từ đây qui luật thị trường bắt đầu tác động đến tính linh hoạt nhạy bén của các doanh nghiệp.

Điều đáng quan tâm là, VN phải xoay sở để nhận được nhiều nguồn vốn thiện chí đáng kể từ các doanh nghiệp bên ngoài. Vấn đề vốn vẫn đáng lo, 19 năm bị cấm vận KT, VN đã mất đi gần hết các nguồn tài trợ vốn đang cần thiết cho mình. Do không được thực hiện chức năng là "Người cho vay cuối cùng" (*Bank of last resort*) của Ngân hàng trung ương, những dịch vụ ngân hàng như chiết khấu, tái chiết khấu chứng từ thương mại và tín dụng, không đáp ứng nhu cầu thanh toán hoán hiệu vốn là phải có cho ngành thương mại. Chính vì vậy, bút tệ (*Credit instruments*) không được dùng. Nguồn tiền tệ lưu thông chỉ là tiền mặt. Hoạt động thương mại tắc nghẽn và khó khăn. Ngân hàng Thương mại không hoạt động tốt dịch vụ thanh toán bằng bút tệ hay chứng từ thương mại là một điểm yếu để thu hút đầu tư. Thị trường mở chưa đi vào hoạt động sôi nổi. "Tránh vô dưa gập vô dừa", giá cả và hối suất vào cuối năm 1990 lại xoắn ốc đi lên và cuối cùng đứng lại ở mức gấp đôi mức cùng kỳ của 1989.

Những nghiêm trọng của mức độ khó khăn này khiến Nhà nước một lần nữa xét lại chế độ tín dụng và tiền tệ. VN bây giờ vẫn còn đang cần những chương trình nghiên cứu đặc biệt cần thiết hoàn thành sớm cho chính sách ổn định nền kinh tế.

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

Chính sách đổi mới được đưa vào toàn cảnh nền kinh tế và môi trường doanh nghiệp. Cơ chế thị trường cho phép doanh nghiệp hoạt động, quyết định giá cả dưới sự lãnh đạo của Chính phủ. Ngân hàng Nhà nước đã tích cực trong việc làm giảm mức bất ổn định về quốc tệ từ 1991, chặn đứng việc xuống giá nhanh của quốc tệ gây khủng hoảng tiền tệ trong nước.

Do sự thiếu hụt nguồn dự trữ ngoại tệ, từ tháng 8.92 đồng VN đã giảm xuống còn tỷ giá 15.000đ/USD, so với trước kia là 9.500đ/USD.

Ngân hàng nhà nước đã can thiệp bằng cách bán ra một số lượng lớn ngoại tệ và nhập khẩu thêm nhiều vàng. Tiền đồng được nâng giá và ổn định ở mức 10.000đ/USD vào đầu tháng giêng năm 1992.

Xét về mặt quan hệ đối ngoại, các cải tổ tận gốc đã thật sự được tiến hành. Những quan hệ thương mại trước đây đã trở nên thoáng hơn nhờ vào việc sử dụng chính sách chọn lựa trong việc phân hạn ngạch xuất nhập khẩu, áp dụng các quy định về việc cấp giấy phép và trao đổi hàng hóa.

Hơn nữa, toàn bộ cơ cấu ngành thương mại cũng được phân cấp trong mấy năm qua bằng việc lập các công ty thương mại chính, đầu ngành trong

thương mại ở các tỉnh và thành phố.

Quan hệ thương mại hiện nay do các công ty địa phương quyết định, cả về giá cả thị trường - kết quả, khối lượng mậu dịch gia tăng đáng kể. Tổng trị giá xuất khẩu năm 1980 là 340 triệu USD lên đến hơn 3 tỷ USD 1993; tổng trị giá nhập khẩu từ 1.315 triệu USD vào 1980 tăng lên 3,1 tỷ USD vào 1993.

Hối suất trong khu vực có chuyển đổi từ 1990 đã được điều chỉnh nhiều lần suốt giai đoạn 1986-1990 và cuối cùng cho phép thả nổi, ở mức gần sát với giá thị trường. Mức thả nổi này ổn định trong suốt giai đoạn 1991-1993.

VN hiện còn phải tạo môi trường thích hợp cho việc phát triển đất nước theo những hướng sau:

- Trên hết, là chính sách kinh tế vĩ mô thích hợp, thiếu hụt ngân sách phải củng cố và tỷ giá ngoại hối thích hợp là yêu cầu cần thiết cho sự phát triển. Sự thiếu hụt ngân sách chính phủ chắc chắn sẽ dẫn đến sự thất bại về kinh tế, tỷ giá giả tạo bằng mọi giá không nên áp dụng.

- Một môi trường thuận lợi, không gò bó là yếu tố cơ bản cho thành phần kinh tế tư doanh phát triển. Bởi vì giá cả cạnh tranh là công cụ thiết thực và hiệu quả nhất cho việc phân phối nguồn tài nguyên và tư bản trong sản xuất.

- Chính phủ phải hạn chế việc quản lý trực tiếp việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Bởi hiệu quả là yếu tố hàng đầu, quản lý phải tác động thuận lợi để cho các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

- Giáo dục, đào tạo thế hệ tương lai, phải được củng cố và mở rộng, điều đó sẽ đóng góp một cách thực tế các kiến thức cần thiết cho xã hội. Kỹ thuật và khả năng lao động là cần thiết trong nền kinh tế thị trường.

- Giữa việc ổn định chính trị và mức tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ mật thiết với nhau. Sự ổn định về chính trị và tài chính được xem là nền tảng trong việc lập chiến lược cho phát triển một nền kinh tế.

- Tăng trưởng kinh tế luôn đi kèm với việc phát triển các ngành công nghiệp phát triển hàng đầu. Các nhà chính sách phải lưu ý chiến lược này trong giai đoạn "chân rảo, chân ướt", bởi nếu như vậy ta sẽ tạo được một vị trí kinh tế trong cộng đồng thương mại quốc tế.

Tại sao VN đạt được một số thành công? Chính do việc cải cách kinh tế được thực hiện trong bối cảnh và môi trường xã hội và chính trị ổn định. Đảng đã thấy việc quản lý nền kinh tế trước đây là có sai lầm và kịp thời sửa đổi, bổ sung cho hướng mới. Kết quả này hy vọng sẽ thành công trong một tương lai gần trong việc phát triển nền kinh tế VN ♣